

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 23-5-2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc
2. Bà Lê Thị Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Giáp Thị Thu Ly là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX ngày 27 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị M; địa chỉ: số 175, thôn 1, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn S, sinh năm 1974; địa chỉ: số 56 đường Phạm Ngũ Lão, tổ 15, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017) *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T; địa chỉ: số 51, thôn 9, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*

Ông Vũ Văn L; địa chỉ: thôn 5 xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn vợ chồng ông ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị M có người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Văn S trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 01/8/2014 vợ chồng ông D, bà M cho vợ chồng ông L, bà T vay số tiền 60.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 01/01/2015. Đến hạn ngày 01/01/2015 vợ chồng ông L, bà T không có tiền trả nên đã viết lại giấy vay cũng với số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 01/12/2015. Đến hạn, vợ chồng ông L, bà T tiếp tục khất nợ nên viết giấy ngày 25/01/2016 cũng với số tiền vay 60.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng; hẹn trả số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 01/4/2016, số tiền còn lại hẹn trả vào ngày 01/12/2016. Vợ chồng ông D, bà M nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả nợ nhưng đến nay ông L, bà T chưa trả. Nay vợ chồng ông D, bà M khởi kiện yêu cầu ông L, bà T cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền vay số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng; lãi suất là 1.125%/ tháng tính từ ngày 01/02/2016 đến ngày xét xử hôm nay 23/5/2018 (tính tròn là 27 tháng) thành tiền là 18.225.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 78.225.000 đồng; do việc vay nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L và bà T đang tồn tại, khi ly hôn vào năm 2016 không khai báo về khoản nợ này cho Tòa án, tiền vay sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản vay nêu trên.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Bản chính: “giấy vay nợ” ghi Hòa Ninh ngày 01/8/2014; “giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 01/5/2015; “giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 25/01/2016.

** Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của vợ chồng ông D, bà M số tiền 60.000.000 đồng; khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Bà thừa nhận chữ ký và ghi tên Phạm Thị T trong Bản chính: “Giấy vay nợ” ghi Hòa Ninh ngày 01/8/2014; “giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 01/5/2015; “giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 25/01/2016 là chữ viết và chữ ký của bà. Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D, bà M buộc bà cùng ông L có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng; lãi suất là 1.125%/ tháng tính từ ngày 01/02/2016 đến ngày xét xử hôm nay tính tròn là 27 tháng thành tiền là 18.225.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 78.225.000 đồng thì bà đồng ý và không có ý kiến gì. Bà xác định khoản vay nợ này là để sử dụng chung cho cho nhu cầu sinh hoạt trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông L đang tồn tại, vì vậy bà thống nhất với yêu cầu của

nguyên đơn buộc ông L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng ông D, bà M.

Ông Vũ Văn L trình bày: Ông không biết việc bà T vay vợ chồng ông D, bà M số tiền 60.000.000 đồng. Bởi lẽ, ông không ký vào các “Giấy vay nợ” ghi Hòa Ninh ngày 01/8/2014; “Giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 01/5/2015; “Giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 25/01/2016 do nguyên đơn xuất trình. Do đó, vợ chồng ông D, bà M khởi kiện yêu cầu ông cùng bà T có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay 60.000.000 đồng; lãi suất là 1.125%/ tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến khi giải quyết xong vụ án thì ông không đồng ý. Riêng bà T đồng bị đơn trong vụ án này cho rằng khoản vay này là để sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt gia đình thì ông không thống nhất vì không biết và không sử dụng khoản tiền vay trên.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 27/3/2018 nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà T giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông Vũ Văn L chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vì đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông D, bà M; buộc bị đơn ông L, bà T cùng có trách nhiệm trả vợ chồng ông D, bà M số tiền gốc và lãi tổng cộng là 78.225.000 đồng. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Vũ Văn L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Theo “Giấy vay nợ” ghi Hòa Ninh ngày 01/8/2014; “Giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 01/5/2015; “Giấy vay tiền” ghi Hòa Ninh ngày 25/01/2016 do nguyên đơn vợ chồng D, bà M xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án có thể hiện vợ chồng ông L, bà T có vay của vợ chồng ông D, bà M số tiền 60.000.000 đồng kể từ ngày 25/01/2016; lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn hẹn trả cuối cùng là tháng 12/2016. Bản thân bị đơn bà T thừa nhận có ký xác nhận nợ vào các giấy vay nợ do nguyên đơn xuất trình trên và thừa nhận có vay vợ chồng ông D, bà T số tiền 60.000.000 đồng kể từ ngày 25/01/2016 nên đủ cơ sở xác định việc vay nợ giữa hai bên là có thật, xảy ra trong thực tế.

[3] Đối với ý kiến của ông L không thừa nhận có vay vợ chồng ông D, bà M số tiền 60.000.000 đồng với lý do ông không ký vào giấy nhận nợ và không sử dụng khoản tiền vay, hiện nay ông và bà T đã ly hôn nên ông không đồng ý trả khoản vay trên là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, khoản vay này vào ngày 25/01/2016, thời điểm này hôn nhân giữa ông L và bà T đang tồn tại, trong các giấy vay đều thể hiện tên ông L và cho đến tháng 12/2016 thì ông L, bà T mới được Tòa án giải quyết cho ly hôn, quá trình giải quyết vụ án cả ông L, bà T đều không khai báo cho Tòa án về khoản vay nợ này. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bà T đều khẳng định số tiền vay trên để sử dụng chung cho nhu cầu **sinh hoạt** gia đình. Do đó, cần căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc ông L cùng bà T có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông D, bà M số tiền vay 60.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Vợ chồng ông D, bà M yêu cầu mức lãi suất là 1.125%/tháng trên số tiền vay 60.000.000 đồng tính từ ngày 01/02/2016 đến ngày xét xử hôm nay 23/5/2018 (tính tròn là 27 tháng) thành tiền là 18.225.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi suất của vợ chồng ông D, bà M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHND ngày 29/11/2010 nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D, bà M buộc ông L, bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông D, bà M số tiền 78.225.000 đồng. Trong đó phần trách nhiệm của bà T là 39.112.000 đồng, phần trách nhiệm của ông L là 39.112.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên vợ chồng ông D, bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông D, bà M.

Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho vợ chồng ông D, bà M. Trong đó, ông L phải chịu 1.955.000 đồng (5% x 39.112.000 đồng), bà T phải chịu 1.955.000 đồng (5% x 39.112.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 474, Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

1.2. Buộc ông Vũ Văn L, bà Phạm Thị T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị M số tiền 78.225.000 đồng. Trong đó ông Vũ Văn L có phần trách nhiệm trả số tiền 39.112.000 đồng, bà Phạm Thị T có phần trách nhiệm trả số tiền 39.112.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Vợ chồng ông Vũ Văn D, bà Vũ Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.247.000 đồng theo biên lai thu số 0003182 ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

2.2. Buộc ông Vũ Văn L phải chịu 1.955.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị T phải chịu 1.955.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

